TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211A/2017/DS-PT
Ngày: 06/9/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- T**hành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Ông Đinh Chí Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Văn Hồng Biên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2017/TLPT-DS ngày 18/7/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2013/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 180/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị P, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: số nhà 590A/2, ấp HĐ, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Luật sư Phạm Hoàng Đ - Công ty Luật hợp danh A - Chi nhánh Đồng Tháp, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Chị Võ Thị M, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: số 326C/4, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

Anh Bùi Văn Đ, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: số 326C/4, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bà Lâm Thị P là nguyên đơn.

Các đương sự, luật sư có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Lâm Thị P diện trình bày:

Vào ngày 10/10/2010 Bùi Văn Đ và Võ Thị M có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ T00070 thửa số 142 tờ bản đồ 07, diện tích 69,75m^2 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 878763024100152 do bà Nguyễn Thị Bé H đứng tên. Đất và nhà tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện L, để bà M và ông Đ vay số tiền 50.000.000 đồng và 40 chỉ vàng SJC. Việc vay có thể hiện bằng tờ thế chấp ngày 10/10/2010 do Võ Thị M viết và ký tên, cùng có chữ ký tên của Bùi Văn Đ, tại thời điểm đó có bà Nguyễn Thị Bé H đồng ý việc thế chấp. Thời hạn vay khi nào bà P cần lấy lại tiền, vàng thì thông báo trước 1 tháng, lãi suất vay là 02% tháng. Từ khi vay tiền và vàng bà M và ông Đ không đóng lãi, không trả tiền nợ gốc cho bà P. Bà P nhiều lần đến đòi tiền, có thời điểm bà M bỏ đi khỏi địa phương nên không khởi kiện được.

Nay bà Lâm Thị P yêu cầu bà Võ Thị M, ông Bùi Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bé H liên đới trả cho bà P số tiền 50.000.000 đồng và 40 chỉ vàng SJC; không yêu cầu tiền lãi.

Bà P đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé H giấy chứng nhận QSDĐ và quyền sở hữu nhà cho bà Nguyễn Thị Bé H.

Bị đơn bà Võ Thị M và ông Bùi Văn Đ cùng trình bày:

Thừa nhận có vay và hiện còn nợ của bà Lâm Thị P số vàng là 40 chỉ vàng SJC; có dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà mang tên Nguyễn Thị Bé H để thế chấp cho bà Phùng. Võ Thị M và Bùi Văn Đ chấp nhận trả số vàng 40 chỉ vàng SJC cho bà Lâm Thị P. Đối với số tiền nợ 50.000.000 đồng ghi trong tờ thế chấp ngày 10/10/2010 là tiền riêng cá nhân bà M vay hỏi tiền ngày của bà P số tiền là 50.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày M đóng tiền lãi là 150.000 đồng cho số tiền vay 50.000.000 đồng này, bà M không nhớ thời điểm vay 50.000.000 đồng; không nhớ thời điểm

bắt đầu đóng tiền lãi, chỉ nhớ đóng tiền lãi đến hết tháng 01 năm 2011, sau đó bà Phùng kiện bà M ra xã V để đòi M trả vàng và tiền, nên M mới viết lại tờ thế chấp ngày 10/10/2010 để bà P làm tin.

Võ Thị M cho rằng bà Lâm Thị P có nợ tiền hụi chết do M làm chủ số tiền là 30.000.000 đồng và tiền nợ của việc mua đất lớp mặt là 20.000.000 đồng. Bà M yêu cầu P trả cho M 50.000.000 đồng để cấn trừ số nợ 50.000.000 đồng trên.

Nay Võ Thị M và Bùi Văn Đ thừa nhận còn nợ và đồng ý trả 40 chỉ vàng SJC cho bà P; đồng ý trả 50.000.000 đồng cho bà Phùng, nhưng cấn trừ số tiền 50.000.000 đồng, mà P còn nợ của Mỹ, nên xem như hai bên không phải có nghĩa vụ gì trong số tiền 50.000.000 đồng này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Bà Bé H thừa nhận hiện đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00070 thửa số 142 tờ bản đồ 07, diện tích 69,75m^2 đất tọa lạc tại xã P và quyền sở hữu nhà số 878763024100152. Hai giấy trên bà Bé H gởi ở nhà cha mẹ chồng để đi nuôi bệnh cho chồng ở thành phố Hồ Chí Minh. Lý do tại sao bà M lấy được hai tờ giấy trên để thế chấp cho bà P thì bà Bé H không hay biết, không liên quan gì trong việc vay mượn tiền, vàng giữa bà P, bà M và ông Đ, không chấp nhận theo yêu cầu của bà P buộc bà Bé H phải có trách nhiệm liên đới trả tiền, vàng cho bà P.

Nguyễn Thị Bé H yêu cầu Lâm Thị P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên lại cho bà Bé H.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Toà án nhân dân huyện L đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị P yêu cầu bà Võ Thị M và ông Bùi Văn Đ liên đới trả cho bà Phùng số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và 40 (bốn mươi) chỉ vàng SJC.

2. Buộc bà Võ Thị M và ông Bùi Văn Đ liên đới trả cho bà P 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và 40 (bốn mươi) chỉ vàng SJC.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lâm Thị P mà bà Võ Thị M và ông Bùi Văn Đ chậm trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và 40 (bốn mươi) chỉ vàng SJC thì hàng tháng bà M, ông Đ còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi

suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố; liên đới trả tiền lãi suất vàng theo mức lãi suất bình quân của 03 tổ chức tín dụng tại địa phương có quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, cho đến khi trả xong tiền và vàng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H có trách nhiệm liên đới cùng bà Võ Thị M và ông Bùi Văn Đ trả cho bà Phùng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và 40 (bốn mươi) chỉ vàng SJC.

4. Bà Lâm Thị P phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00070 thửa số 142 tờ bản đồ 07, diện tích 69,75m^2 đất tọa lạc tại xã P và quyền sở hữu nhà số 878763024100152 cùng mang tên Nguyễn Thị Bé H.

5. Về án phí:

- Bà Võ Thị M và ông Bùi Văn Đ phải liên đới chịu 10.040.000 đồng (mười triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Lâm Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.850.000 đồng (năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: 009634 ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 8 năm 2013 bà Lâm Thị P kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 10/10/2010 âm lịch (tức ngày 15/11/2010 dương lịch) bà P có cho bà M vay 40 chỉ vàng SJC và 50.000.000 đồng lãi suất 2%/tháng, vay không kỳ hạn, bà P cần lấy lại tiền thì thông báo trước 01 tháng. Khi vay bà M có viết tờ hế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Bé H đứng tên. Trong quá trình vay bà M không đóng lãi và trả vốn. Bà P yêu cầu bà M, ông Đ và bà Bé H liên đới trả 40 chỉ vàng SJC và 50.000.000 đồng.

Bà M thừa nhận có vay của bà P 40 chỉ vàng SJC và 50.000.000 đồng, nhưng bà M cho rằng việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và

quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Bé H, thì bà Bé H không biết. Bà M thống nhất cùng chồng là ông Đ trả cho bà P 40 chỉ vàng SJC và 50.000.000 đồng.

Bà Bé H cho rằng, việc bà M lấy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của bà, đem thế chấp cho bà P vay tiền, vàng thì bà Bé H không biết, nên không đồng ý cùng bà M, ông Đ trả nợ cho bà P.

[2] Xét thấy, theo Biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Bé H ngày 15/5/2012, tại Công an huyện L thì bà Bé H trình bày:...Ban đầu tôi (Bé H) không biết chị M đem vay thế chấp cho bà P, nhưng khi tôi biết thì tôi cũng đồng ý để cho chị M vay thế chấp cho bà P mà tôi không có báo với chính quyền địa phương hay cơ quan chức năng, vì chị M có hứa khoảng 01 tháng sau (tức tháng 11/2010 âm lịch) sẽ hốt hụi chuộc giấy tờ trả cho lại cho tôi. Tôi tin tưởng chị M nên mới đồng ý...

Tại Biên bản ghi lời khi của bà Võ Thị M ngày 13/5/2012, tại Công an huyện L thì bà M trình bày: ... Tôi (bà M) tự lấy đem đi thế chấp. Những giấy tờ này để ở nhà của ba tôi ông Võ Văn C, lúc đó vợ chồng Bé H bị bệnh đi điều trị ở thành phố Hồ Chí Minh, ba tôi nuôi bệnh nên giao chìa khóa nhà nhà lại cho tôi tới lui coi chừng, rồi tôi mở tủ (không có khóa tủ) lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà đi thế chấp...

Tại Biên bản ghi lời khi của bà Võ Thành E ngày 15/5/2012, tại Công an huyện L thì ông E trình bày:...Khi chị M vay thế chấp cho bà P thì lúc đó tôi (E) không biết, nhưng độ khoản 01 tháng sau tức khoảng tháng 11/2010 âm lịch, thì chị M nói với tôi là đã lấy tài sản của vợ tôi đứng tên vay thế chấp cho bà P...

Bà Bé H, ông E và bà M đều xác định là khi bà M thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà thì bà Bé H và ông E không biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P không có chứng cứ chứng minh là khi bà M thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của bà Bé H để vay tiền thì có sự đồng ý của bà Bé H và ông E.

Mặt khác, theo tờ thế chấp ngày 10/10/2010 âm lịch, mặc dù được lập thành văn bản, nhưng không có chữ ký của bà Bé H và ông Võ Thành E là người có tài sản thế chấp và tờ thế chấp không được chứng thực. Như vậy,

hợp đồng thế chấp ngày 10/10/2010 âm lịch không tuân thủ theo Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005, nên việc bà M thế chấp tài sản của bà Bé H cho bà P là hợp đồng vô hiệu. Do vậy, bà M và ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà P 40 chỉ vàng SJC và 50.000.000 đồng. Bà P có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho bà Nguyễn Thị Bé H.

Vì thế, việc bà P yêu cầu bà Bé H cùng đới với bà M, ông Đ trả cho bà P 40 chỉ vàng SJC và 50.000.000 đồng là không có cơ sở.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P trình bày: Căn cứ vào tờ thế chấp ngày 10/10/2010 thì tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà do bà Bé H đứng tên, khi vay tiền bà M thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà có sự đồng ý của bà Bé H và ông E. Bà M khai ngày 13/5/2012 tại Cơ quan Công an là ông C cha của bà M có dặn bà M khai với Cơ quan Công an là tự lấy giấy tờ nhà đất của bà Bé H thế chấp vay tiền, nếu khai vợ chồng Bé H cho mượn thì vợ chồng Bé H bỏ tiền ra chuộc. Hợp đồng vay vô hiệu, nhưng nội dung vẫn đảm bảo việc vay có tài sản thế chấp, nên Cơ quan Công an không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với khoản nợ của bà P và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, sửa bản án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên bà P không có chứng cứ chứng minh là khi bà M thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của bà Bé H để vay tiền thì có sự đồng ý của bà Bé H và ông E, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của luật sư.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề xuất hướng giải quyết vụ án là giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Phùng giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148; khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 474, Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005*; Pháp lệnh Số 10/2009 ngày 27/02/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Toà án nhân dân huyện L.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lâm Thị P.

2. Buộc bà Võ Thị M và ông Bùi Văn Đ liên đới trả cho bà P 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và 40 (bốn mươi) chỉ vàng SJC.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Võ Thị M và ông Bùi Văn Đ chưa thi hành xong số tiền và vàng trên, thì phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự và vàng tính theo lãi suất bình quân của các tổ chức tín dụng tại địa phương có quy định tương ứng với thời gian chưa thi ành án.

3. Bà Lâm Thị P phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00070 thửa số 142 tờ bản đồ 07, diện tích 69,75m^2 đất tọa lạc tại xã Phong Hòa và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 878763024100152 do bà Nguyễn Thị Bé H đứng tên.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị M và ông Bùi Văn Đ phải liên đới chịu 10.040.000 đồng (mười triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lâm Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.850.000 đồng (năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: 009634 ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà P phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà P đã nộp là 200.000 đồng, theo biên lai số: 15852 ngày 22 tháng 8 năm 2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, được trừ vào tiền án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thõa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Nguyễn Tấn Tặng